TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2024/DS-ST
Ngày: 24-9-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngoan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đức Tâm
Ông Trương Văn Te
- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 300/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 344/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A (tên công ty viết tắt là JIVF).

Trụ sở: Số N, Phường V, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông C, chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông D, chức danh: Giám đốc điều hành cấp cao – Bộ phận Thẩm định & Bộ phận Quản lý Công nợ Công ty A. (văn bản ủy quyền số 58/2020/UQ-JIVF ngày 06/12/2022 của Tổng Giám đốc Công ty A.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Lương B – Nhân viên Công ty A, đại diện theo ủy quyền của Giám đốc điều hành cấp cao – Bộ phận Thẩm định & Bộ phận Quản lý Công nợ Công ty A (văn bản ủy quyền số 684/2024/UQ-LM-JIVF ngày 19/6/2024).

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh D, sinh năm 1995;

Địa chỉ: số X, ấp S, xã S1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, ông Nhân, ông D vắng mặt (ông Nhân có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin gải quyết, xét xử vắng mặt, cùng các văn bản tài liệu khác cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn là Công ty A (Công ty) và người đại diện theo ủy quyền của Công ty là ông Lương B trình bày:

Vào ngày 25/8/2023, ông Trần Thanh D có ký Hợp đồng tín dụng số 54340004488289000 với Công ty A để vay số tiền 29.609.000 (hai mươi chín triệu sáu trăm lẻ chín nghìn) đồng; thời hạn vay là 06 tháng; lãi suất 4.1772%/tháng. Mục đích vay tiền mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng.

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng thì mỗi tháng ông D phải thanh toán cho Công ty tiền gốc và lãi là 5.692.897 đồng (năm triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng) vào trước hoặc đúng ngày cuối hàng tháng cho đến khi kết thúc Hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên là ngày 02/10/2023.

Ngày 05/10/2023, ông D đã thanh toán cho Công ty số tiền 5.692.897 đồng (năm triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng), trong đó: nợ gốc là 4.298.356 đồng, lãi 1.382.541 đồng, lãi quá hạn 0 đồng, phí quản lý khoản vay 12.000 đồng. Tuy nhiên, từ sau ngày 05/10/2023 đến nay, ông D không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán và cố tình lẫn tránh.

Vì vậy căn cứ vào Điều 3, Điều 7, Điều 8, Điều 11 Hợp đồng số 54340004488289000 ký ngày 25/08/2023, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh D phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2024 tổng số tiền nợ là 49.384.387 đồng; trong đó: gốc là 25.310.644 đồng; lãi là 12.461.754 đồng; lãi quá hạn là 11.551.989 đồng, phí quản lý khoản vay 60.000 đồng.

Đồng thời ông D tiếp tục thanh toán cho Công ty tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ ngày 25/9/2024 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 54340004488289000 ký ngày 25/08/2023.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do và ông D cũng không gởi bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết buộc ông Trần Thanh D có nghĩa vụ trả tiền cho Công ty theo Hợp đồng tín dụng số 54340004488289000 ký ngày 25/08/2023. Ông D là bị đơn trong vụ án cư trú tại xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết buộc ông Trần Thanh D trả cho Công ty A số tiền tính đến ngày 24/9/2024 tổng số tiền nợ là 49.384.387 đồng; trong đó: gốc là 25.310.644 đồng; lãi là 12.461.754 đồng; lãi quá hạn là 11.551.989 đồng, phí quản lý khoản vay 60.000 đồng.

Căn cứ Công ty khởi kiện là Hợp đồng tín dụng số 54340004488289000 ký ngày 25/8/2023, Giấy đề nghị vay kiêm phương án sử dụng vốn, Bảng kê thu nhập của khách hàng, Bản sao chụp Căn cước công dân của ông D, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Lịch sử thanh

toán chi tiết, Bảng kê tiền lãi chi tiết, Bảng kê tiền lãi quá hạn chi tiết, Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT-CA của Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT, Ủy nhiệm chi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Báo cáo về khung lãi suất cho vay tiêu dùng của Công ty.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Hợp đồng tín dụng số 54340004488289000 ký ngày 25/8/2023 thể hiện ông D có vay của công ty JACCS số tiền là 29.609.000 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm lẻ chín nghìn đồng), mục đích vay: mua xe máy, phương thức cho vay từng lần, thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất 4.1772%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; kỳ trả nợ theo tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ (gồm gốc, lãi và phí) là 5.692.897 đồng, số tiền thanh toán kỳ cuối là 5.828.348 đồng, ngày đến hạn trả nợ kỳ đầu tiên: 02/10/2023, ngày đến hạn trả nợ kỳ cuối: 29/02/2024, phương thức giải ngân: chuyển khoản tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt nam - CN thị xã Gò Công - tỉnh Tiền Giang. Theo biên bản làm việc ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm và Công an xã Sơn Phú thì ông D có số định danh cá nhân là 083095013982, cấp ngày 16/8/2022 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ công an cấp. Theo giấy ủy nhiệm chi thể hiện Công ty JACCS đã ủy nhiệm cho Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - CN thị xã Gò Công - tỉnh Tiền Giang chi cho người vay là ông Trần Thanh D số tiền là 29.609.000 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm lẻ chín nghìn) đồng theo Hợp đồng tín dụng số 54340004488289000 ký ngày 25/8/2023 nêu trên.

[2.2] Về lãi suất, căn cứ vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì Công ty A là công ty tài chính tín dụng tiêu dùng được phép cấp tín dụng cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng là tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật" và Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định:

"1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất.

2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất."

Vì vậy, việc thỏa thuận lãi suất và phí cấp tín dụng của Công ty với ông D trong Hợp đồng tín dụng số 54340004488289000 ký ngày 25/8/2023 là phù hợp theo quy định pháp luật và phù hợp với khung lãi suất cho vay của Công ty.

Đối với phí quản lý khoản vay tại Điều 3 và Điều 8 Hợp đồng tín dụng số 54340004488289000 ký ngày 25/08/2023 có quy định "... các bên thỏa thuận thứ

tự ưu tiên đối với mọi khoản thanh toán của Bên vay như sau: nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và phí phát sinh theo quy định tại Các điều kiện giao dịch chung" " ...Bên vay có nghĩa vụ đọc, hiểu rõ các nội dung của Hợp đồng, Các Điều kiện giao dịch chung và chỉ ký Hợp đồng khi đã hiểu rõ về lãi suất áp dụng được thỏa thuận và các điều khoản, điều kiện khác liên quan đến Hợp đồng được đăng công khai trên mạng điện tử và niêm yết tại Điểm giới thiệu dịch vụ của Bên cho vay...".

Tại Các điều kiện giao dịch chung của Công ty thì có phí quản lý khoản vay là 12.000 đồng/tháng. Theo ông Nhân trình bày, sau ngày 05/10/2023 ông D không tiếp tục thanh toán cho Công ty như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Đến ngày 24/9/2024 tổng số tiền nợ là 49.384.387 đồng; trong đó: gốc là 25.310.644 đồng; lãi là 12.461.754 đồng; lãi quá hạn là 11.551.989 đồng, phí quản lý khoản vay 60.000 đồng nên Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D phải có nghĩa vụ thanh toán cho công ty số tiền này là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Công ty yêu cầu ông D tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 25/9/2024 theo mức lãi suất đã thỏa thuận và phí quản lý khoản vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 54340004488289000 ký ngày 25/8/2023 cho đến khi ông D trả hết nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 49.384.387 đồng x 5% = 2.469.219 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Buộc ông Trần Thanh D có nghĩa vụ trả cho Công ty A tổng số tiền nợ tính đến ngày 24/9/2024 là 49.384.387 (bốn mươi chín triệu, ba trăm tám mươi bốn nghìn, ba trăm tám mươi bảy) đồng; trong đó: tiền gốc là 25.310.644 (hai mươi lăm triệu, ba trăm mười nghìn, sáu trăm bốn mươi bốn) đồng; lãi là 12.461.754 (mười hai triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, bảy trăm năm mươi bốn) đồng; lãi quá hạn là 11.551.989 (mười một triệu, năm trăm năm mươi mốt nghìn, tám trăm tám mươi chín) đồng, phí quản lý khoản vay 60.000 (sáu mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận và chịu phí quản lý khoản vay các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 54340004488289000 ký ngày 25/8/2023.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Thanh D có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.469.219 (hai triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm mười chín) đồng.

Công ty A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 745.000 (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005240 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

[3].Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Đức Tâm Trương Văn Te Nguyễn Thị Ngoan